

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ - ST

Ngày 29 tháng 7 năm 2022

V/v: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình,
ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh và bà Lê Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Bà: Phạm Thị Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà: Lê Thị Thanh Thủy- Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 47/2021/TLST- HNGĐ ngày 15/4/2021 về việc: “*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/6/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST- HNGĐ ngày 13/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cầm Thị T, sinh năm: 1979

Nơi ĐKKHKT: Khu phố XM, thị trấn TX, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn 4, xã DQ, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa (*có mặt*).

2. Bị đơn: Anh Lương Văn S, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Khu phố XM, thị trấn TX, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20/02/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Cầm Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Cầm Thị T và anh Lương Văn S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Vì lý do chị T không hiểu việc đăng ký kết hôn là quyền lợi và nghĩa vụ của mình nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống hạnh phúc được 03 (ba) năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn, anh S không chịu làm ăn, thường xuyên uống rượu, chơi bời, dẫn đến anh chị hay cãi cọ nhau, cuộc sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống. Sau đó anh S vi phạm pháp luật phải đi chấp hành hình phạt tù thời gian là 05 (năm) mới ra tù. Khi mãn hạn tù về nhà chị T và anh S lại xảy ra mâu thuẫn cãi cọ nhau, anh S bỏ đi làm ăn trong Miền Nam không

quan tâm đến gia đình, tính từ thời điểm anh S bỏ đi làm ăn khoảng được 03 (ba) năm thì anh S về nhà lý do bỏ để anh mất, sau đó anh tiếp tục bỏ đi làm ăn từ năm 2004 đến nay. Cũng từ đó đến nay chị và anh S sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai nữa, mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình. Chị T xác định tình cảm giữa chị và anh S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T làm đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa chị và anh S là vợ chồng.

Về con chung: Chị Cẩm Thị T và anh Lương Văn S có 02 con chung là Lương Văn T, sinh ngày: 08/11/2000 và cháu Lương Thị T, sinh ngày: 15/12/2003. Hiện các cháu đã trưởng thành có sức khỏe và lao động bình thường các cháu ở với ai là tùy các cháu, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản; công nợ: Chị Cẩm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần phối hợp với chính quyền địa phương để giao giấy triệu tập và các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như các loại văn bản tố tụng khác cho anh Lương Văn S đến Tòa án để làm việc nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do.

Tại các Biên bản xác minh ngày 19/8/2021 và Biên bản xác minh ngày 18/3/2022 thể hiện: Hiện nay anh Lương Văn S đang có hộ khẩu thường trú tại khu phố Xuân Minh, thị trấn Thường Xuân, anh S chưa chuyển đi đâu. Bà Hà Thị P mẹ đẻ anh Lương Văn S cho biết, anh S đi làm ăn từ năm 2011 đến nay, thì thoảng vẫn liên lạc về với gia đình, năm 2020 gia đình có việc có anh S về nhà một thời gian, sau đó lại đi vào Đà Lạt làm ăn và thường xuyên liên lạc về nhà với các cháu. Nay chị T làm đơn đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ giữa chị T và con trai bà là Lương Văn S là vợ chồng, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Bà Hà Thị P có nhận các thủ tục của Tòa án giao, bà cam kết thông báo cho anh S biết việc chị T làm đơn yêu cầu, nhưng anh S không trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị T nên thuộc trường hợp bị đơn từ chối khai báo cố tình lẩn tránh vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân phát biểu quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng theo luật định.

Nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị T, anh S chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 1999, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị, anh đã sống ly thân nhau, không ai còn quan tâm đến ai, hôn nhân không có hạnh phúc. Mặt khác, chị T và anh S chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là vi phạm luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, căn cứ Điều 14, Điều 51; Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị Cẩm Thị T không công nhận giữa chị Cẩm Thị T và anh Lương Văn S là vợ chồng.

Về con chung: Chị Cẩm Thị T và anh Lương Văn S có 02 con chung là

Lương Văn T, sinh ngày: 08/11/2000 và cháu Lương Thị T, sinh ngày: 15/12/2003. Hiện các cháu đã trưởng thành chị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản; công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa chị Cẩm Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, vắng mặt anh Lương Văn S, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết nhiều lần các loại giấy tờ tố tụng theo quy định của pháp luật, tại trụ sở UBND thị trấn Thường Xuân, nơi cư trú của anh S nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc. Tòa án đã lập biên bản về việc đương sự vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Việc khởi kiện của chị Cẩm Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Anh Lương Văn S đã được Tòa án đã tổng đạt, niêm yết nhiều lần các loại giấy tờ tố tụng nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS để giải quyết vắng mặt anh Lương Văn S là phù hợp quy định của pháp luật.

[2]. *Về hôn nhân:* Chị Cẩm Thị T và anh Lương Văn S chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, xử không công nhận chị Cẩm Thị T và anh Lương Văn S là vợ chồng.

[3] *Về con chung:* Chị Cẩm Thị T và anh Lương Văn S có 02 con chung là Lương Văn T, sinh ngày: 08/11/2000 và cháu Lương Thị T, sinh ngày: 15/12/2003. Tính đến thời điểm xét xử hai cháu Lương Văn T và Lương Thị T đã trưởng thành, lao động bình thường nên các cháu ở với ai là tùy các cháu, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về tài sản; công nợ:* Chị Cẩm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí:* Chị Cẩm Thị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Về phía bị đơn anh Lương Văn S đã vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Như vậy, anh S đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, anh không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 5; Điều 9; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Cẩm Thị T

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cẩm Thị T và anh Lương Văn S.

Về con chung: Chị Cẩm Thị T và anh Lương Văn S có 02 con chung là Lương Văn T, sinh ngày: 08/11/2000 và cháu Lương Thị T, sinh ngày: 15/12/2003. Tính đến thời điểm xét xử hai cháu Lương Văn T và Lương Thị T đã trưởng thành, có sức khỏe, lao động bình thường nên các cháu ở với ai là tùy các cháu, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản; công nợ: Chị Cẩm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Cẩm Thị T phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai số: 0003133 ngày 15/4/2021 tại Chi cục thi hành án huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, số tiền này được chuyển thành tiền án phí của chị T phải nộp.

Quyền kháng cáo: Chị Cẩm Thị T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/7/2022). Anh Lương Văn S được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thường Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADSH.Thường Xuân;
- Dương sự;
- UBND thị trấn Thường Xuân;
- Lưu HSVA

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Lê Thị Tâm